

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
- Bà H Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Do Thi Nhu H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 3, thị trấn TB, huyện BT, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyen Chau Hoang L, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Ấp HT, xã HĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Số G164, đường Y, Tổ 9, Khu phố 1, phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Do Thi Nhu H trình bày:

Bà Do Thi Nhu H và ông Nguyen Chau Hoang L kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TB, huyện BT, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà H và ông L không sống chung với nhau, vì điều kiện công việc nên bà H sống tại nhà ba mẹ ruột tại Tổ 1, Khu phố 3, thị trấn TB, huyện BT, tỉnh Bình Dương còn ông L sống tại số G164, đường Y, Tổ 9, Khu phố 1, phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, cuối tuần mới gặp mặt nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không cùng quan điểm sống, mặc dù không xảy ra cãi nhau hay đánh nhau

nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung và không thể nói chuyện được với nhau, bà H đã cố gắng dung hòa để cuộc sống vợ chồng tốt hơn nhưng không có kết quả. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Chau Hoang L.

Bà Do Thi Nhu H và ông Nguyen Chau Hoang L có 01 con chung tên Nguyen Do Hoang Q, sinh ngày 14/5/2018. Cháu Q sống cùng bà H từ nhỏ, bà là người chăm sóc cháu và có thu nhập, chỗ ở ổn định khi bà H đi làm có ba mẹ ruột bà H phụ giúp nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyen Chau Hoang L trình bày:

Vì điều kiện kinh tế sau khi kết hôn ông Nguyen Chau Hoang L và bà Do Thi Nhu H không sống với nhau. Bà H làm việc tại UBND thị trấn TB nên sinh sống với ba mẹ ruột tại Tổ 1, Khu phố 3, thị trấn Tb, huyện BT, tỉnh Bình Dương còn ông L sống tại số G164, đường Y, Tổ 9, Khu phố 1, phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, để đi làm. Tùy thuộc vào điều kiện công việc mỗi tuần ông L về thăm vợ con khoảng 01 đến 02 lần hoặc có thể về nhiều hơn. Ông L và bà H không có mâu thuẫn gì và ông cũng không biết nguyên nhân bà H làm đơn ly hôn. Khi biết bà H làm đơn ly hôn ông có hỏi nguyên nhân nhưng bà H né tránh không trả lời. Ông L không biết lý do bà H làm đơn ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn và tranh chấp gì liên quan đến vấn đề kinh tế. Hiện nay ông L còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý giao cháu Nguyen Do Hoang Q, sinh ngày 14/5/2018 cho bà H nuôi dưỡng vì cháu còn quá nhỏ, ông L sẽ cấp dưỡng cho cháu Q nhưng mức cấp dưỡng sẽ thương lượng với bà H. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Do Thi Nhu H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyen Chau Hoang L trình bày: Ông L không biết lý do bà Do Thi Nhu H làm đơn ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng có thể là do ông đi làm xa thiếu sự quan tâm vợ con, quan điểm của ông L là không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con nhưng Hội đồng xét xử xử như thế nào ông không có ý kiến. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý giao cháu Nguyen Do Hoang Q cho bà H nuôi dưỡng, ông L sẽ cấp dưỡng cho cháu Q nhưng sẽ thương lượng mức cấp dưỡng cụ thể với bà H. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu của bà Do Thi Nhu H về việc ly hôn với ông Nguyen Chau Hoang L là không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Do Thi Nhu H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyen Chau Hoang L nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bị đơn ông Nguyen Chau Hoang L sinh sống tại phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Nguyên đơn bà Do Thi Nhu H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Do Thi Nhu H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H Như và ông Nguyen Chau Hoang L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND thị trấn TB, huyện BT, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016, ngày 17/05/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại các điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Do Thi Nhu H trình bày sau khi kết hôn bà Do Thi Nhu H và ông Nguyen Chau Hoang L không sống chung với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, ông còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn. Xét thấy, qua xác minh tại địa phương nơi ông L và bà H sinh sống thì hiện nay ông L và bà H không còn sống chung với nhau, bà H xác định không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không thể hàn gắn được; ông L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và xác định hiện nay vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Do Thi Nhu H và ông Nguyen Chau Hoang L đã L vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Do Thi Nhu H về việc ly hôn với ông Nguyen Chau Hoang L.

[2.2] Về con chung: Bà Do Thi Nhu H và ông Nguyen Chau Hoang L có 01 con chung là cháu Nguyen Do Hoang Q, sinh ngày 14/05/2018. Xét thấy, hiện nay cháu Q còn nhỏ, đang cùng sinh sống với bà H và ông L đồng ý giao cháu Q cho bà H nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cháu Nguyen Do Hoang Q cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Do Thi Nhu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); ông Nguyen Chau Hoang L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Do Thi Nhu H đối với ông Nguyen Chau Hoang L về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Do Thi Nhu H được ly hôn với ông Nguyen Chau Hoang L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyen Do Hoang Q, sinh ngày 14/5/2018 cho bà Do Thi Nhu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Do Thi Nhu H phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003133 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND TT. TB;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga